TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 294/2024/DS-PT Ngày 14-6-2024 V/v tranh chấp yêu cầu huỷ văn bản về phân chia tài sản thừa kế	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc: tranh chấp yêu cầu huỷ văn bản về phân chia tài sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:160/2024/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1978; địa chỉ: số D B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà H: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1986; địa chỉ: số E L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 14/4/2022); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị L1, sinh năm 1956; địa chỉ: số I khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà L1: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1983; địa chỉ: số C đường số D tổ D khu phố G, phường H, thành phố thủ Đ, thành phố Hồ Chí Minh và bà Đặng Thị Thanh P, sinh năm 1979; địa chỉ: số I khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Hợp đồng uỷ quyền ngày 22/6/2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường số A , Trung tâm hành chính Thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: số H N, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1973.

4. Bà Lê Thị P1, sinh năm 1976.

5. Ông Lê Xuân B, sinh năm 1982

6. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1983

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952

Cùng địa chỉ: số D ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

8. Ông Lê Xuân H2, sinh năm 1977; địa chỉ: số A ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

9. Bà Lê Thị D, sinh năm 1954; địa chỉ: số E tổ E, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1978; địa chỉ: số C khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Giấy uỷ quyền ngày 06/10/2022); có mặt.

10. Bà Lê Thị Lê T, sinh năm 1981; địa chỉ: số A khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H trình bày:*

Bà Nguyễn Thúy H là con bà Lê Thị D và là cháu ngoại của bà Trương Thị L3 và ông Lê Văn D1 (ông D1 chết ngày 12/11/1965, bà L3 chết ngày 24/11/2005). Bà L3 có 04 người con gồm bà Lê Thị D, sinh năm 1954; ông Lê Văn T1, sinh năm 1953 (chết năm 2008); bà Lê Thị L1, sinh năm 1956 và ông Lê Văn B1, sinh năm 1959 (chết năm 1983). Do hoàn cảnh khó khăn bà D đã gửi bà H cho bà ngoại là Trương Thị L3 nuôi dưỡng, khi ở cùng bà L3 còn có ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị Hồng N. Bà H không nhớ chính xác thời gian ở nhưng nghe nói là vào khoảng năm 1982 (vì khi này bà khoảng 4 tuổi), bà ở cùng bà L3 cho đến khi bà H 26 tuổi là lúc bà đi lấy chồng vào năm 2004. Khi ở cùng bà L3, bà H được nhập sổ hộ khẩu vào hộ bà L3 vào ngày 26/7/1989, đến ngày 09/3/2000 UBND huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp cho

hộ bà Trương Thị L3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận 504 QSDĐ/TB diện tích 1.079 m^2.

Ngày 15/5/2007 ông Lê Văn T1, bà Lê Thị D và bà Lê Thị L1 làm văn bản phân chia tài sản thừa kế diện tích đất 1.079 m^2, đất thổ cư 300 m^2 và 115 m^2 hành lang đương bộ; 01 căn nhà ngói cấp 4 ngang 5,5 m dài 12 m cho bà Lê Thị L1 tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố D. Sau đó bà L1 đã đi kê khai và cập nhật biến động từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị L3 qua bà Lê Thị L1. Việc các bên làm văn bản phân chia tài sản thừa kế, sau đó bà L1 đi kê khai cập nhật sử dụng đất, bà H hoàn toàn không biết. Việc UBND huyện D cấp đất cho bà L3 là cấp cho hộ gia đình, bà H là thành viên trong hộ gia đình, nhưng khi phân chia tài sản thừa kế không thông báo cho bà H biết để bà H có ý kiến. Ngoài ra bà H ở cùng bà L3 nhiều năm có công sức đóng góp trong việc giữ gìn tu bổ tài sản, nhưng sau đó các bên tự làm văn bản phân chia di sản thừa kế là không đúng. Ngoài ra ông Lê Văn B1 chết trước bà L3, nhưng khi lập biên bản phân chia di sản của bà L3 thì con của ông B1 là bà Lê Thị Lê T thuộc hàng thừa kế thế vị không được thông báo và có ý kiến về khối tài sản này.

Căn cứ Điều 1 Luật đất đai 1993, khoản 2 Điều 9 Luật đất đai 2003 và khoản 2 Điều 5 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 25 Luật cư trú năm 2006 có hiệu lực ngày 1/7/2007; khoản 1, 2 Điều 10 của Luật cư trú 2020 về quyền, nghĩa vụ của chủ hộ về thành viên hộ gia đình; khoản 2 Điều 146 nghị định 181 hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai 2013 quy định thì UBND huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp đất là cấp cho hộ gia đình bà Trương Thị L3, hộ gia đình thì bà Nguyễn Thúy H là thành viên hộ gia đình, bà H có quan hệ huyết thống với bà Trương Thị L3 (cháu ngoại). Do vậy, bà H cũng có quyền sử dụng đất ngang nhau trong thành viên hộ gia đình. Việc ông Lê Văn T1, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L1 tự làm văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 15/5/2007 là không đúng.

Nay ông đại diện cho nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 15/5/2007 lập tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương do bà Lê Thị D, ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị L1 lập.

- Hủy phần cập nhật tên bà Lê Thị L1 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504 cấp ngày 09/3/2000 do UBND huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp cho bà Trương Thị L3.

- Bị đơn bà Lê Thị L1 trình bày:

Về quan hệ nhân thân trong gia đình, nguồn gốc đất mà đại diện cho nguyên đơn trình bày là đúng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý bởi lẽ: Về nguồn gốc đất để được xét cấp đất cho hộ bà Trương Thị L3 là năm 1976 tức có trước sổ hộ khẩu và thành viên hộ gia đình là bà Nguyễn Thúy H nhập hộ khẩu, việc bà L3 làm đơn xin cấp đất là do thuộc gia

đình chính sách do ông Lê Văn D1 (chồng bà L3 là liệt sỹ). Bà H là con bà Lê Thị D là cháu ngoại bà Trương Thị L3, do hoàn cảnh khó khăn bà D gửi bà H cho bà L3 chăm sóc nuôi dưỡng, nuôi ăn đi học và được nhập hộ khẩu (chủ hộ bà Trương Thị L3). Do vậy việc bà H trình bày là thành viên hộ gia đình, khi được cấp đất bà H cũng có quyền ngang nhau với các thành viên hộ gia đình là không đúng. Bởi giấy tờ kê khai từ bà L3 là cấp đất cho gia đình thương binh liệt sỹ vào năm 1976, trong khi đó bà H sinh năm 1978. Bà L3 ở ổn định trên nhà và đất trước đó, nhưng chưa có giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất, sau này năm 2000 bà L3 mới đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, bà H không có quyền lợi của thành viên hộ gia đình trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Về vấn đề hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 15/5/2007 lập tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương. Bị đơn không đồng ý bởi thời điểm ghi văn bản thì có sự đồng ý của ông Lê Văn T1, bà Lê Thị D và bà Lê Thị L1, ông Lê Văn B1 chết trước bà L3, ông B1 có 01 người con tên Lê Thị Lê T, qúa trình tố tụng bà T không có ý kiến gì về văn bản phân chia tài sản thừa kế trên. Việc các bên ký văn bản tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) sau đó được chứng thực, việc này là tự nguyện ý chí của các bên. Do vậy, văn bản phân chia này là hợp lệ.

Việc ông T1, bà L1, Bà D phân chia tài sản thừa kế ngày 15/5/2007 là hợp lệ. Vì vậy, bà L1 đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp pháp luật. Do vậy, đại diện cho bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày*:

Thống nhất hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 15/5/2007 lập tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương; Hủy phần cập nhật đứng tên bà Lê Thị L1 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504 cấp ngày 09/3/2000 cho bà Trương Thị L3. Vì bà D không biết chữ nhưng trong văn bản không có người làm chứng; văn bản phân chia thừa kế thì thiếu người thừa kế (thừa kế thế vị của ông Lê Văn B1 hiện nay là bà Lê Thị Lê T). Ngoài các lý do trên bà H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm

+ Thẩm quyền chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương là không đúng thẩm quyền, vi phạm điểm đ, khoản 1 Điều 22 Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 8/12/2000 việc công chứng này phải do Ủy ban nhân dân huyện D (nay là Ủy ban nhân dân thành phố D) thực hiện

+ Nội dung văn bản phân chia tài sản thừa kế có nội dung "*nay anh em chúng tôi xin nhường quyền toàn bộ số tài sản thừa kế, cả nhà và đất trên cho em tôi là Lê Thị L1...*", trong khi bà D là chị của bà L1 do vậy không phù hợp.

+ Khi làm văn bản chia thừa kế, bà D không biết chữ nhưng không có người làm chứng, bà D không được đọc lại văn bản phân chia mà chỉ ký tên

+ Việc khai nhận di sản thừa kế, không có văn bản tường trình quan hệ nhân thân của ông Lê Văn B1.

+ Người chứng thực không lập và đọc lại hồ sơ khai nhận di sản thừa kế.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lê T trình bày:*

Bà T là con của ông Lê Văn B1, ông B1 là liệt sĩ hi sinh năm 1983. Khi ông B1 còn sống gia đình bà gồm ông B1, bà Tống Thị Q (vợ ông B1) và bà sinh sống cùng với bà nội Trương Thị L3, sau khi ông B1 mất thì bà Q và bà T đến thành phố B, tỉnh Đồng Nai sinh sống, còn nhà thì bà L3 và bà L1 ở. Khi bà L3 chết thì bà L1 là người ở trên phần đất và nhà này. Ông Lê Văn T1, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L1 làm văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 15/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), bà là con ông Lê Văn B1, ông B1 chết trước bà L3, bà là hàng thừa kế thế vị, các ông bà trên khi làm văn bản phân chia tài sản thừa kế trên không báo cho bà biết, ngày 23/6/2021 bà L1 có thực hiện văn bản bổ sung tặng cho bà T phần đất mặt tiền ngang 5m dài 12m tổng 60m^2 (làm giấy tờ tay), thời gian nhận đất ngày 01/1/2022, hiện phần đất này bà quản lý sử dụng. Bà không có ý kiến gì đối với văn bản phân chia tài sản thừa kế giữa ông T1, bà L1 và bà D. Đối với bà H chỉ là ở ghép vào gia đình bà Trương Thị L3 để tiện đi học vì lúc đó gia đình cha mẹ nghèo không đủ khả năng nuôi con. Bà H khởi kiện không đúng, bà không đồng ý huỷ bỏ văn bản phân chia tài sản thừa kế.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M (vợ ông Lê Văn T1), bà Lê Thì H3, bà Lê Thị L2, ông Lê Xuân B, bà Lê Thị P1, ông Lê Xuân H2, bà Lê Thị N là các con của ông Lê Văn T1 trình bày:*

Năm 2000 hộ bà Trương Thị L3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 110, tờ bản đồ E3 với diện tích 1.079 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504 cấp ngày 09/3/2000. Thời điểm cấp giấy chứng nhận hộ bà L3 có 4 nhân khẩu gồm bà Trương Thị L3, ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thúy H và bà Lê Thị Hồng N, theo quy định pháp luật 04 người như trên có quyền sử dụng đất như nhau. Năm 2005 khi bà L3 chết, bà L1 là người ở trên nhà và đất. Tài sản của bà L3 để lại thì những người thuộc hàng thừa kế của bà L3 sẽ được hưởng, tài sản bà L3 để lại chỉ là 01 phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110, tờ bản đồ E3 với diện tích 1.079m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504 cấp ngày 09/3/2000. Khi bà L1 kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L1 kê khai toàn bộ phần đất cấp cho hộ trong đó có phần đất của ông Lê Văn T1 được quyền sử dụng là không đúng. Các ông bà trên thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương yêu cầu toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 160/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H đối với bị đơn bà Lê Thị L1 về việc "yêu cầu huỷ văn bản về phân chia tài sản thừa kế".

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D kháng cáo.

Ngày 12/10/2023, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị số 08/2023/QĐKN-VKS-DS.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D giữ nguyên kháng cáo; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút Quyết định kháng nghị số 08/2023/QĐKN-VKS-DS ngày 12/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: quyền sử dụng đất các bên tranh chấp có nguồn gốc Ủy ban xã T, huyện D cấp hộ hộ gia đình liệt sỹ từ năm 1976, bà H sinh năm 1978, đến năm 1982 mới đến sống chung với bà L3; bà L3 kê khai đăng ký đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà H không thuộc thành viên gia đình liệt sỹ nên không có quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà L3. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm bà H không có chứng cứ khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trong hạn luật định, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 08/2023/QĐKN-VKS-DS ngày 12/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, căn cứ điểm

b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với Quyết định kháng nghị số 08/2023/QĐKN-VKS-DS ngày 12/10/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H khởi kiện bà Lê Thị L1 yêu cầu giải quyết:

- Hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế do bà Lê Thị D, ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị L1 lập tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương ngày 15/5/2007.

- Hủy phần cập nhật tên bà Lê Thị L1 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504 cấp ngày 09/3/2000 do Ủy ban nhân dân huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp cho bà Trương Thị L3.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà H và người có quyền lợi, liên quan bà D:

[3.1] Nguyên đơn bà H và bị đơn bà L1, người có quyền lợi, liên quan bà D thừa nhận về quan hệ nhân thân của bà Trương Thị L3, như sau bà L3 có chồng ông Lê Văn D1; bà L3 và ông D1 có 04 người con là bà Lê Thị D, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị L1, ông Lê Văn B1. Ông Lê Văn D1 (chồng bà L3) hy sinh ngày 12/11/1965; bà Nguyễn Thúy H (nguyên đơn) là con của bà Lê Thị D; ông Lê Văn T1 chết năm 2008 không có vợ con; ông Lê Văn B1 hy sinh năm 1983, có vợ là bà Tống Thị Q, có người con tên Lê Thị Lê T.

[3.2] Nguyên đơn bà H và bị đơn bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D cùng thừa nhận sau năm 1976, bà Trương Thị L3 là gia đình có công với cách mạng (gia đình liệt sỹ) nên được Ủy ban nhân dân xã T cấp phần đất tại ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương) để làm nhà ở. Sự thừa nhận trên của các đương sự là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Tài liệu, chứng cứ thể hiện năm 1985, bà Trương Thị L3 được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T cấp "Giấy đăng ký ruộng đất" diện tích 1200m^2, thửa đất số 2254, tờ bản đồ 02, xã T, huyện D (bút lục I). Năm 1999, bà Trương Thị L3 lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ghi nguồn gốc đất *"Đất do Uỷ ban xã cấp cho gia đình thương binh, liệt sỹ năm 1976, sử dụng cất nhà"*(bút lục 95*);* tại đơn xác nhận nguồn gốc đất của bà Trương Thị L3, ngày 29/11/1999, Ủy ban nhân dân xã T xác nhận nguồn gốc đất như sau *"Bà Trương Thị L3 hiện đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do Uỷ ban quản từ 1975 đến 1976 Uỷ ban xã cấp cho bà sử dụng theo diện gia đình, khó khăn chính sách không nhà đất ở, để bà xây dựng nhà ở từ đó cho đến nay là đúng"* (bút lục 92). Ngày 09/3/2000, hộ bà Trương Thị L3 được Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504QSDĐ/TB diện tích 1.079m^2 thửa đất 110, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

[3.4] Với sự thừa nhận của các đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập có căn cứ xác định diện tích đất 1079m^2 thửa đất 110, tờ bản đồ E3, ấp T, xã T được Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp cho hộ gia đình bà Trương Thị L3.

[3.5] Bà Nguyễn Thúy H, bà Lê Thị L1 thừa nhận từ năm 1981, thời điểm này bà H 04 (bốn) tuổi được mẹ là bà Lê Thị D đưa đến gửi cho bà Trương Thị L3 là bà ngoại nuôi dưỡng cho đến khi bà H 26 tuổi, tại thời điểm bà L3 kê khai đăng ký đất năm 1999, thì bà H là thành viên của hộ gia đình bà L3 (có tên trong sổ hộ khẩu, bút lục 85, 100). Ngày 09/3/2000, hộ bà Trương Thị L3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504QSDĐ/TB ngày 09/3/2000. Tại Sổ hộ khẩu gia đình cấp cho bà Trương Thị L3 thể hiện chủ hộ là bà L3, con là Lê Văn T1, cháu là Lê Thị Hồng N và Nguyễn Thúy H (bút lục 97-99).

[3.6] Tại Văn bản số 2039/UBND-TNMT này 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin về việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504QSDĐ/TB ngày 09/3/2000 cho hộ bà Trương Thị L3 như sau: hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

[3.7] Do đó, lời trình bày của bà H cho rằng, thời điểm năm 2000, hộ bà Trương Thị L3 được cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.079m^2 thuộc thửa đất 110, ấp T, xã T, huyện D thì bà H là thành viên hộ gia đình nên có quyền sử dụng đất như các thành viên khác là có căn cứ, bà H có mối quan hệ huyết thống với bà L3, sống chung và được bà L3 nuôi dưỡng từ lúc 04 tuổi cho đến năm 26 tuổi, bà H cũng có sự đóng góp công sức giữ gìn tài sản.

[3.8] Ngày 11/7/2005 bà Trương Thị L3 chết, đến ngày 15/5/2007 ông Lê Văn T1, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L1 là con của bà L3 lập *"Văn bản phân chia tài sản thừa kế"* đối với diện tích đất 1.079m^2, thửa đất số 110, tờ bản đồ E3, ấp T, xã T, huyện D thống nhất giao cho bà L1 toàn quyền sử dụng thửa đất 110 nêu trên (bút lục 56), *"Văn bản phân chia tài sản thừa kế"* được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực. Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy về thẩm quyền chứng thực thì Uỷ ban nhân dân xã có thẩm quyền chứng thực văn bản (giao dịch) giữa các bên được quy định tại Điều 3, 24 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ. Do đó, Ủy ban nhân dân xã T có thẩm quyền chứng thực văn bản trên vào năm 2005 là phù hợp.

[3.9] Tuy nhiên, thửa đất 110, tờ bản đồ E3, ấp T, xã T, huyện D được cấp cho hộ gia đình của bà Trương Thị L3 vào năm 2000, mà hộ gia đình bà L3 vào thời điểm năm 2000 thì bà Nguyễn Thúy H, bà Lê Thị Hồng N là thành viên hộ nhưng các người con của bà L3 gồm ông Lê Văn T1, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L1 lập *"Văn bản phân chia tài sản thừa kế"* đối với diện tích đất 1.079m^2, thửa đất 110, tờ bản đồ E3, ấp T, xã T thống nhất giao cho bà L1 toàn quyền sử dụng thửa đất 110 nêu trên mà không có sự đồng ý của bà H và bà N là không đảm bảo quyền lợi của bà H, bà N. Đồng thời, bà L3 còn có người con là ông Lê Văn

B1 đã chết năm 1965, ông B1 có người con là bà Lê Thị Lê T là thừa kế thế vị của ông B1 nhưng khi bà T1, bà D, bà L1 lập *"Văn bản phân chia tài sản thừa kế"* cũng không có sự tham gia của bà T, do đó *"Văn bản phân chia tài sản thừa kế"* đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D chứng thực ngày 15/5/2007 là vô hiệu do vi phạm điều cấm được quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự.

[3.10] Trên cơ sở "*Văn bản phân chia tài sản thừa kế"* được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 15/5/2007, bà L1 được cập nhật đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504QSDĐ/TB ngày 09/3/2000. Do *"Văn bản phân chia tài sản thừa kế"* do Ủy ban nhân dân xã T, huyện D chứng thực ngày 15/5/2007 vô hiệu nên Tòa án hủy việc cập nhật đứng tên bà L1 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 504QSDĐ/TB cấp ngày 09/3/2000 theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Với những tài liệu, chứng cứ và nhận định trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, bà D, sửa án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn bà H không phải chịu, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H. Bị đơn bà Lê Thị L1 là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn.

[6] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 48, 147, 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 08/2023/QĐKN-VKS-DS ngày 12/10/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 160/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H đối với bị đơn bà Lê Thị L1.

Tuyên vô hiệu "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" do ông Lê Văn T1, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L1 lập, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 15/5/2007.

Hủy nội dung những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 504QSDĐ/TB ngày 09/3/2000 của bà Trương Thị L3 như sau: "Bà Lê Thị L1, sinh năm 1956, số CMND 250117513 cấp ngày 25/08/2005 tại Công an tỉnh B, ngụ tại 9 ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nhận thừa kế hết sổ theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế xác lập ngày 15/05/2007.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: trả lại cho bà Nguyễn Thúy H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0003770 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2.3. Án phí dân sự phúc thẩm: trả lại cho bà Nguyễn Thúy H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0006893 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- TAND thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài